

PHẦN I.

MỘT SỐ KHÁI NIỆM

I. Chỉ tiêu Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội là toàn bộ tiền vốn bỏ ra (chi tiêu) để làm tăng hoặc duy trì năng lực sản xuất và nguồn lực để nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

Nội hàm của vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội bao gồm các nội dung sau đây:

1. Vốn đầu tư tạo ra tài sản cố định: Là chi phí làm tăng thêm giá trị tài sản cố định, bao gồm vốn đầu tư xây dựng mới nhà cửa, vật kiến trúc, mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản và chi phí cho sửa chữa lớn tài sản cố định (tức là những chi phí bằng tiền để tạo mới, mở rộng, xây dựng lại, khôi phục hoặc nâng cấp năng lực sản xuất của tài sản cố định của nền kinh tế). Toàn bộ chi phí cho việc thăm dò, khảo sát thiết kế và qui hoạch xây dựng chuẩn bị cho việc đầu tư cũng như chi phí lắp đặt máy móc thiết bị cũng được tính vào khoản mục này.

2. Vốn đầu tư làm tăng tài sản lưu động: Là chi phí duy trì và phát triển sản xuất bao gồm vốn đầu tư mua nguyên liệu, vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản. Đây là khoản vốn lưu động được bổ sung trong kỳ nghiên cứu.

3. Vốn đầu tư thực hiện khác: Bao gồm tất cả các khoản đầu tư của xã hội nhằm tăng năng lực phát triển của xã hội. Sự phát triển của xã hội ngoài yếu tố là tăng tài sản cố định, tài sản lưu động còn yếu tố tăng nguồn lực khác như: nâng cao dân trí, tăng cường phúc lợi xã hội, cải thiện môi trường sinh thái, hỗ trợ các chương trình phòng chống tệ nạn xã hội và các chương trình phát triển khác như chương trình, mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng, kế hoạch hóa gia đình; Chương trình bảo vệ động vật quý hiếm; Chương trình phổ cập giáo dục, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực; Chương trình xóa đói giảm nghèo v.v...

Trên phạm vi quốc gia, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội không bao gồm những khoản đầu tư có tính chất chuyển nhượng quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu giữa các cá nhân, hộ dân cư, các doanh nghiệp, tổ chức... nhưng không làm tăng tài sản cố định, tài sản lưu động của toàn bộ nền kinh tế trong phạm vi cả nước, như: chuyển nhượng đất đai, nhà ở, cửa hàng, thiết bị máy móc và các tài sản cố định khác đã qua sử dụng.

II. Kết quả vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội được phân tổ theo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, ngành kinh tế, tỉnh/thành phố được đầu tư. Cụ thể như sau:

1. Chia theo nguồn vốn: Bao gồm ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, tín dụng đầu tư phát triển, vốn vay, vốn tự có và vốn khác.

1.1. Ngân sách nhà nước: Là khoản chi của ngân sách nhà nước để chuẩn bị đầu tư và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để bố trí cho các dự án hạ tầng kinh tế - xã

hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được thuộc các ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước gồm vốn đầu tư từ ngân sách trung ương và vốn đầu tư từ ngân sách địa phương.

Các nguồn vốn đầu tư có tính chất ngân sách nhà nước lấy từ các khoản phí, lệ phí, quảng cáo, xổ số kiến thiết, quỹ đất... để đầu tư cũng được tính là nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Ngân sách nhà nước chia theo hai nguồn:

- Ngân sách nhà nước trung ương: Do Bộ, ngành quản lý và chịu trách nhiệm thực hiện các dự án/công trình trên phạm vi cả nước.

- Ngân sách nhà nước địa phương: Do chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã quản lý và chịu trách nhiệm thực hiện các dự án/công trình trên địa bàn. Ngân sách địa phương thực hiện bao gồm: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

1.2. Trái phiếu Chính phủ: Là nguồn vốn đầu tư từ loại trái phiếu do Bộ Tài chính phát hành để huy động vốn đầu tư cho chương trình, dự án đầu tư cụ thể thuộc phạm vi đầu tư của nhà nước.

Ở địa phương, có vốn trái phiếu chính quyền địa phương là nguồn vốn đầu tư từ loại trái phiếu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành nhằm huy động vốn đầu tư cho công trình dự án đầu tư của địa phương.

1.3. Tín dụng đầu tư phát triển

- *Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước:* Là vốn đầu tư cho những dự án đầu tư mà chủ đầu tư có thể vay vốn hưởng lãi suất ưu đãi để đầu tư trong những ngành, lĩnh vực quan trọng, chương trình kinh tế lớn của nhà nước, các vùng khó khăn nhà nước khuyến khích đầu tư đảm bảo có hiệu quả kinh tế - xã hội, có khả năng hoàn trả vốn vay.

Các dự án đầu tư được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước là các dự án thuộc danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư ban hành kèm theo Nghị định hiện hành quy định về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước.

- *Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ:* Là nguồn vốn đầu tư được hình thành từ hoạt động hợp tác phát triển giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với các nhà tài trợ là Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức liên Chính phủ hoặc liên quốc gia.

Vốn ODA bao gồm ODA viện trợ không hoàn lại và ODA vốn vay.

Vốn vay ưu đãi là hình thức cung cấp vốn vay có điều kiện ưu đãi hơn so với vay thương mại nhưng yếu tố không hoàn lại chưa đạt tiêu chuẩn của ODA vốn vay.

Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi do Chính phủ Việt Nam vay để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của nhà nước được tính là nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước phần vốn nước ngoài.

Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi do Chính phủ Việt Nam vay về và cho các chủ đầu tư vay lại để thực hiện các dự án đầu tư thì được tính là nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước (ODA cho vay lại).

1.4. Vốn vay: Vay ngân hàng thương mại và vốn vay từ các nguồn khác. Đây là khoản tiền mà chủ đầu tư đi vay từ các tổ chức tín dụng trong nước (không kể tín dụng đầu tư của Nhà nước đã nêu ở trên), vay các ngân hàng nước ngoài, vay các

tổ chức quốc tế và vay các tổ chức, cá nhân khác để đầu tư sản xuất kinh doanh.

1.5. Vốn tự có: Nguồn vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư được hình thành từ lợi nhuận, trích ra để đầu tư; từ tiền thanh lý tài sản, từ khấu hao tài sản cố định, từ các quỹ, huy động cổ phần, góp vốn liên doanh của các bên đối tác liên doanh.

1.6. Vốn huy động từ các nguồn khác: Là nguồn vốn đóng góp tự nguyện, cho, biếu, tặng của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, là nguồn vốn huy động ngoài các nguồn vốn trên.

2. Chia theo khoản mục đầu tư: Bao gồm đầu tư xây dựng cơ bản; mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản; sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định; vốn lưu động bổ sung bằng vốn tự có và đầu tư khác.

2.1. Xây dựng cơ bản: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ những chi phí được biểu hiện thành tiền dùng cho việc xây mới, mở rộng, xây dựng lại và khôi phục tài sản cố định trong một thời kỳ nhất định, bao gồm: chi phí khảo sát, quy hoạch; chi phí chuẩn bị đầu tư và thiết kế; chi phí xây dựng; chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị và các khoản chi phí khác ghi trong tổng dự toán (bao gồm cả tiền chuyển quyền sử dụng đất). Vốn đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm:

- Xây dựng và lắp đặt (vốn xây lắp).
- Máy móc, thiết bị (vốn thiết bị).
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác.

a. Xây dựng và lắp đặt bao gồm:

- Chi phá và tháo dỡ các vật liệu kiến trúc cũ (có tính đến giá trị vật tư, vật liệu được thu hồi (nếu có) để giảm vốn đầu tư).

- Chi san lấp mặt bằng xây dựng.

- Chi xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công (đường thi công, điện nước, nhà xưởng...), nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công (nếu có).

- Chi xây dựng các hạng mục công trình như làm mới, mở rộng, cải tạo và khôi phục các công trình xây dựng (bao gồm cả việc lắp ghép các cấu kiện trên mặt bằng xây dựng), các hoạt động như đóng cọc, đổ khung, đổ bê tông, ốp đá, bắc giàn giáo, lợp mái, sửa chữa làm thay đổi hoặc mở rộng các công trình...

- Chi lắp đặt thiết bị gồm: Lắp đặt trang thiết bị vật dụng mà chức năng xây dựng phải làm, những hoạt động này thường được thực hiện tại chân công trình xây dựng. Chi phí lắp đặt thiết bị còn bao gồm cả chi phí cho thăm dò, lắp đặt các hệ thống lò sưởi, điều hoà nhiệt độ, thiết bị thông gió, chống ẩm, lắp đặt ăng ten, hệ thống báo động và các công việc khác thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, thang máy, cầu thang tự động, lắp đặt ống dẫn trong xử lý công nghiệp, lắp máy lạnh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tín hiệu...

- Hoàn thiện công trình xây dựng gồm: Các hoạt động khác nhau có liên quan đến hoàn thiện hoặc kết thúc một công trình như lắp kính, trát vữa, quét vôi, trang trí, lát sàn, hoàn thiện phần mộc, công việc kiến trúc âm thanh, làm sạch ngoại thất... kể cả việc tu sửa các loại trang thiết bị đã đề cập ở trên.

- Chi di chuyển thiết bị thi công và lực lượng xây dựng (trong trường hợp chỉ định thầu nếu có).

b. Máy móc, thiết bị: Phần vốn đầu tư xây dựng cơ bản chi cho việc mua sắm

máy móc, thiết bị và các dụng cụ, khí cụ, gia súc đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định hiện hành, bao gồm: giá trị thiết bị, máy móc, dụng cụ, khí cụ, gia súc được coi là tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bảo quản, gia công, kiểm tra.

máy móc, thiết bị và các dụng cụ, khí cụ trước khi đưa vào lắp đặt. Vốn thiết bị bao gồm cả giá trị mua sắm thiết bị máy móc cần lắp đặt và thiết bị máy móc không cần lắp đặt như:

- Chi mua sắm thiết bị công nghệ gồm cả thiết bị phi tiêu chuẩn cần sản xuất, gia công (nếu có), các trang thiết bị khác phục vụ sản xuất, làm việc, sinh hoạt của công trình (bao gồm thiết bị lắp đặt và thiết bị không cần lắp đặt), kể cả phần đường ống, đường dây trực thuộc máy móc.

- Chi mua những dụng cụ dùng trong sản xuất (bàn thợ, đá mài,...) dụng cụ đo lường, thiết bị trong phòng thí nghiệm, dụng cụ phục vụ quản lý kinh doanh (máy tính, máy in...).

- Chi vận chuyển từ nơi mua đến công trình, chi phí lưu kho, lưu bãi, lưu container (nếu có) tại cảng Việt Nam (đối với các thiết bị nhập khẩu), chi phí bảo quản, bảo dưỡng tại kho bãi ở hiện trường; chi phí gia công, kiểm tra thiết bị, máy móc khi đưa vào lắp.

- Thuế và phí bảo hiểm thiết bị công trình.

c. *Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác*: Ngoài vốn xây lắp và thiết bị, trong tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn có một bộ phận vốn đầu tư khác là:

- Vốn khác cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- + Chi lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi.

- + Chi tuyên truyền, quảng cáo (nếu có).

- + Chi nghiên cứu khoa học, công nghệ có liên quan đến dự án đầu tư.

- + Lệ phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư.

- Vốn khác ở giai đoạn thực hiện đầu tư:

- + Chi khởi công công trình (nếu có).

- + Chi đền bù và tổ chức thực hiện trong quá trình đền bù đất đai hoa màu, di chuyển dân cư và các công trình trên mặt bằng xây dựng, chi phí phục vụ cho công tác tái định cư và phục hồi (đối với công trình xây dựng của dự án đầu tư có yêu cầu tái định cư và phục hồi).

- + Tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất.

- + Chi khảo sát xây dựng, thiết kế công trình, chi phí mô hình thí nghiệm (nếu có), chi phí lập hồ sơ mời thầu, chi phí cho việc phân tích, đánh giá kết quả đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị; chi phí giám sát thi công xây dựng và các chi phí tư vấn khác,...

- + Chi cho hoạt động của ban quản lý dự án.

- + Chi phí bảo vệ an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng công trình (nếu có).

- + Chi kiểm định vật liệu vào công trình (nếu có).

- + Chi lập, thẩm tra đơn giá dự toán; chi phí quản lý.

- + Chi bảo hiểm công trình.

- + Lệ phí địa chính.

- + Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công, tổng dự

toán công trình.

- Vốn khác ở giai đoạn kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng;

+ Chi thực hiện việc quy đổi vốn; thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình.

+ Chi tháo dỡ công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm (trừ giá trị thu hồi)...

+ Chi thu dọn vệ sinh công trình; tổ chức nghiệm thu khánh thành và bàn giao công trình.

+ Chi đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất (nếu có).

+ Chi thuê chuyên gia vận hành và sản xuất trong thời gian chạy thử (nếu có).

+ Chi nguyên liệu, năng lượng và nhân lực cho quá trình chạy thử không tải và có tải (trừ giá trị sản phẩm thu hồi được)...

2.2. Mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản: Là toàn bộ chi phí mua TSCĐ bổ sung thêm trong kỳ nhưng không qua hoạt động xây dựng cơ bản như: mua nhà dùng cho văn phòng hoặc làm nhà xưởng, mua thêm thiết bị máy móc đơn lẻ bổ sung cho dây chuyền sản xuất hoặc ô tô để chở công nhân...

2.3. Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ

Sửa chữa TSCĐ: Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong kỳ cho công việc sửa chữa hư hỏng, duy tu, bảo dưỡng TSCĐ trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại những năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu của TSCĐ (gồm cả chi phí phải thanh toán cho bên ngoài và chi phí cho phần đơn vị chủ đầu tư tự làm).

Nâng cấp TSCĐ: Là hoạt động cải tạo, xây lắp, trang bị bổ sung thêm cho TSCĐ nhằm nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm, tính năng tác dụng của TSCĐ so với mức ban đầu hoặc kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ, đưa vào áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của TSCĐ so với trước khi nâng cấp.

2.4. Bổ sung vốn lưu động dưới dạng hiện vật bằng vốn tự có: Là chi phí duy trì và phát triển sản xuất bao gồm vốn đầu tư mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản.

2.5. Đầu tư khác: Bao gồm vốn đầu tư của các dự án hỗ trợ kỹ thuật, vốn đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực...

3. Vốn đầu tư chia theo mục đích đầu tư

Mục đích đầu tư: Là mục tiêu cụ thể của dự án/công trình thực hiện đầu tư. Đầu tư cho ngành nào thì tính mục đích đầu tư là ngành đó.

Quy định: Đầu tư cho mục đích thuộc ngành kinh tế quốc dân nào thì ghi mã ngành kinh tế cấp 2 theo danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Ví dụ:

- Xây nhà với mục đích cho thuê, bán (gồm cả xây nhà bán cho dân cư ở, như doanh nghiệp xây dựng nhà để bán cho dân cư ở): Ghi mã ngành kinh doanh bất động sản (ngành 68).

- Xây nhà làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức đảng, tổ chức chính trị xã hội, an ninh quốc phòng: Ghi mã ngành quản lý nhà nước (ngành 84).

- Xây nhà cho sản xuất công nghiệp, nhà máy, công trường...: Ghi mã ngành công nghiệp tương ứng (các mã ngành kinh tế cấp 2 của ngành C).

- Xây nhà sân bay: Ghi mã ngành vận tải hàng không (ngành 51).

- Xây bệnh viện, phòng khám: Ghi mã ngành y tế (ngành 86).

- Xây trường học: Ghi mã ngành giáo dục (ngành 85).

- Xây dựng các hệ thống thủy lợi phục vụ ngành nông nghiệp: Ghi mã ngành nông nghiệp (ngành 01).

- Xây dựng các công trình đường bộ (đường xá, cầu): Ghi mã ngành vận tải đường bộ (ngành 49).

4. Vốn đầu tư chia theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Là vốn đầu tư được thực hiện cho dự án/công trình tại một địa điểm nhất định. Dự án/công trình được thực hiện tại tỉnh/thành phố nào thì vốn đầu tư thực hiện được tính cho tỉnh/thành phố đó.

.....

PHẦN II.
GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU PHIẾU ĐIỀU TRA
VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NĂM

PHIẾU SỐ 01/DSH-N
PHIẾU LẬP DANH SÁCH HỘ DÂN CƯ THUỘC ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA
(Áp dụng đối với các địa bàn được chọn mẫu điều tra năm)

1. Đối tượng áp dụng: Phiếu này nhằm lập danh sách tất cả các hộ dân cư có trên địa bàn được chọn mẫu điều tra, bao gồm cả hộ dân cư có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và/hoặc cho xây dựng sửa chữa nhà ở và những hộ dân cư không thực hiện đầu tư trong kỳ. Mỗi địa bàn được chọn mẫu điều tra lập 1 phiếu.

2. Cách ghi phiếu điều tra

Điều tra viên đến từng hộ trong địa bàn được chọn mẫu điều tra, hỏi và ghi thông tin vào phiếu lập danh sách hộ dân cư thuộc địa bàn mẫu điều tra. Nếu hộ không thực hiện đầu tư thì chỉ ghi thông tin của hộ vào phiếu này và không đánh dấu vào cột 4; nếu hộ có thực hiện đầu tư thì đánh dấu (x) vào cột 4, đồng thời thực hiện điều tra theo phiếu số 02/VĐTH-N.

Ghi các thông tin chung

Các ô mã địa chỉ của địa bàn: Cơ quan thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam.

Địa chỉ của hộ: Điều tra viên ghi đầy đủ thông tin địa chỉ của hộ.

Tên địa bàn điều tra: Ghi tên địa bàn và địa bàn số theo Điều tra dân số và nhà ở **giữa kỳ năm 2014**.

Khu vực: Nếu hộ thuộc thành thị khoanh mã 1, nếu hộ thuộc nông thôn khoanh vào mã 2.

Cột mã hộ: Đánh mã hộ số theo số thứ tự từ 001 đến 999 và mã hộ sẽ được sử dụng thống nhất cho các phiếu điều tra hộ qua các quý trong năm.

Tên chủ hộ: Ghi họ và tên chủ hộ theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin về tình hình đầu tư của hộ.

Cột 4: Đánh dấu (x) đối với các hộ có thông tin thực hiện đầu tư trong năm, các hộ không có thông tin thực hiện đầu tư thì bỏ trống.

Chữ ký của chủ hộ (hoặc người đại diện của hộ): Điều tra viên yêu cầu chủ hộ ký tên. Trường hợp không lấy được chữ ký của chủ hộ thì lấy chữ ký người đại diện của hộ. Trong trường hợp khó khăn không gặp được chủ hộ hoặc người đại diện hộ để lấy chữ ký thì tổ trưởng tổ dân phố có thể ký thay cho hộ đó.

Quy ước: Với những hộ có điều tra phiếu số 02/VĐTH-N, điều tra viên không cần lấy chữ ký của chủ hộ ở phiếu số 01/DSH-N.

.....

PHIẾU SỐ 02/VĐTH-N
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CỦA HỘ DÂN CƯ
(Áp dụng đối hộ dân cư có đầu tư cho sản xuất kinh doanh
và xây dựng sửa chữa nhà ở)

1. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với hộ dân cư có thực hiện đầu tư nhằm duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh; về xây dựng mới, sửa chữa nhà ở, nâng cấp nhà ở trong kỳ điều tra. Không thu thập thông tin về các khoản chi cho mục đích tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình. Ví dụ: Trong kỳ hộ mua thêm ô tô, nếu ô tô dùng để phục vụ nhu cầu đi lại của các cá nhân trong hộ thì không được tính là đầu tư, nếu ô tô dùng để phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của hộ như chở nguyên vật liệu, chở sản phẩm đi tiêu thụ,... thì được tính là đầu tư của hộ trong kỳ.

Chủ hộ hoặc người nắm nhiều thông tin về đầu tư cho nhà ở và cho sản xuất kinh doanh của hộ là người trả lời phiếu điều tra.

2. Cách ghi phiếu điều tra

Mã hộ: Điều tra viên ghi mã hộ theo số thứ tự hộ thuộc danh sách hộ trong địa bàn của phiếu số 01/DSH-N nếu hộ thuộc địa bàn được chọn mẫu điều tra. Quy ước mã hộ là 3 chữ số từ 001 đến 999. Mã hộ dân cư được đánh mã theo từng địa bàn điều tra.

2.1 Thông tin chung

Họ và tên chủ hộ: Ghi họ và tên chủ hộ theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin về tình hình đầu tư của hộ.

Địa chỉ của hộ: Điều tra viên ghi đầy đủ thông tin địa chỉ của hộ. Các ô mã địa chỉ của hộ do cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam.

Điện thoại: Ghi số điện thoại cố định hoặc di động của chủ hộ hoặc người trả lời phiếu thu thập thông tin.

Tên địa bàn điều tra: Ghi tên địa bàn và địa bàn số theo Điều tra dân số và nhà ở **giữa kỳ năm 2014.**

Khu vực: Khoanh tròn vào ô mã tương ứng nếu thuộc thành thị khoanh tròn mã 1, nếu hộ thuộc nông thôn khoanh tròn vào mã 2.

Tỷ lệ vốn đầu tư: Tổng số tỷ lệ đầu tư cho sản xuất kinh doanh và nhà ở phải là 100%. Nếu hộ chỉ đầu tư cho sản xuất kinh doanh (SXKD), không đầu tư cho nhà ở thì ghi “100” vào dòng đầu tư cho SXKD và “0” vào dòng đầu tư cho nhà ở và ngược lại. Trường hợp hộ vừa đầu tư cho SXKD vừa cho nhà ở, hộ ước tính tỷ lệ phần trăm đầu tư cho SXKD và tỷ lệ phần trăm đầu tư cho nhà ở, tổng tỷ lệ đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở bằng 100%.

- Hộ dân cư đầu tư cho nhà ở: Là hộ dân cư có đầu tư cho việc xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp nhà ở. Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp nhà ở của hộ bao gồm cả sân, vườn, tường rào... gắn với nhà ở.

+ **Xây dựng mới nhà ở:** Là hoạt động xây dựng để tạo ra sản phẩm nhà ở mới phục vụ nhu cầu đời sống của hộ.

+ **Sửa chữa nhà ở:** Là công việc sửa chữa nhằm cải tạo, khôi phục những phần

đã bị hao mòn hư hỏng, phục hồi hình thái tự nhiên của ngôi nhà, đảm bảo cho nhà cửa sử dụng được bình thường. Sửa chữa lớn thường làm thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà.

+ *Nâng cấp nhà ở*: Là cải tạo ngôi nhà hoặc một phần ngôi nhà, nhằm kéo dài thời gian sử dụng, tăng chất lượng sử dụng, có thể làm tăng diện tích sử dụng của ngôi nhà.

Quy ước: Việc sửa chữa, nâng cấp có làm thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà thì mới tính là đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhà ở. Trường hợp trong kỳ hộ chỉ sửa chữa nhỏ, hay chỉ lát sân vườn, xây tường rào không gắn với sửa chữa, nâng cấp nhà làm thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà sẽ không tính là hộ có đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhà ở trong kỳ.

- Hộ dân cư đầu tư cho sản xuất kinh doanh: Là hộ dân cư có đầu tư cho việc xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, mua sắm tài sản cố định, mua súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm (trâu, bò, lợn,..), cây trồng lâu năm,... nhằm mục đích duy trì và mở rộng SXKD của hộ.

Mục đích đầu tư cho sản xuất kinh doanh: Nếu hộ có đầu tư cho sản xuất kinh doanh thì ghi mục đích chính để đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Đối với các hộ dân cư có đầu tư cho nhà ở thì không ghi mục này. Điều tra viên hỏi và ghi cụ thể, chi tiết nội dung mục đích đầu tư và ghi mã ngành đầu tư theo danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2 Kết quả vốn đầu tư thực hiện

Cột A:

Tổng số: Ghi tổng số vốn đầu tư hộ đã chi ra để đầu tư cho nhà ở và/hoặc cho mục đích sản xuất kinh doanh trong kỳ điều tra.

A. Chia theo nguồn vốn

1. Ngân sách nhà nước: Là nguồn vốn mà nhà nước hỗ trợ tạo điều kiện, khuyến khích chủ hộ đầu tư cho sản xuất kinh doanh, phát triển ngành nghề... và/hoặc là nguồn vốn mà Nhà nước hỗ trợ theo chương trình mục tiêu quốc gia, xóa nhà tạm, nhà tranh đối với những hộ gia đình hưởng chính sách xã hội.

2. Tín dụng đầu tư phát triển: Là số tiền vốn mà hộ được vay từ nguồn vốn đầu tư phát triển của nhà nước để phục vụ cho đầu tư, mở rộng SXKD.

3. Vốn vay: Số tiền đầu tư của hộ đi vay từ các ngân hàng thương mại, vay từ các ngân hàng, tổ chức nước ngoài; vay từ các tổ chức (Hội Phụ nữ, chương trình xoá đói giảm nghèo, ...) và vay của các cá nhân.

- Vay ngân hàng thương mại nhà nước: Nếu hộ vay của các ngân hàng thương mại nhà nước để đầu tư (là các ngân hàng của nhà nước) như Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển...

- Vay ngân hàng ngoài nhà nước: Nếu hộ vay của các ngân hàng thương mại ngoài nhà nước như Ngân hàng Techcombank, Ngân hàng Đông á, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn....

- Vay khác: Số tiền vay từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Vốn tự có: Là tổng số tiền hình thành từ vốn tích lũy tài sản từ lợi nhuận trích

ra để đầu tư, từ thanh lý, từ vốn khấu hao TSCĐ, từ hình thức huy động vốn cổ phần, vốn góp liên doanh, từ tiết kiệm, để dành, bán tài sản của hộ hoặc TS thừa kế và lao động tự làm (lao động của những người trong hộ gia đình và anh em, bạn bè làm giúp), nguyên vật liệu tự túc được quy ra tiền. Vốn tự có có thể là tiền hoặc hiện vật.

- Vốn bằng hiện vật: Được quy ra giá trị theo giá tương ứng của từng loại hiện vật trên thị trường;

- Vốn bằng nguyên vật liệu tự có: Ghi số tiền được qui ra từ lao động tự làm và nguyên vật liệu tự túc theo giá thị trường.

5. Vốn huy động từ các nguồn khác: Số tiền hộ nhận được từ các tổ chức, cá nhân, anh em bạn bè trong và ngoài nước tặng, biếu, số tiền này hộ được toàn quyền sử dụng và không phải hoàn trả.

B. Chia theo khoản mục đầu tư

Nhà xưởng, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong nước: Là tổng số tiền hộ bỏ ra để mua TSCĐ cũ đã qua sử dụng trong nước.

1. Xây dựng cơ bản: Là tổng số tiền mà hộ đã đầu tư xây dựng trong kỳ, kể cả chi phí lao động tự làm, giá trị nguyên vật liệu tự túc, bao gồm: mua nguyên vật liệu như xi măng, sắt thép, vôi, gạch ngói, gỗ và chi phí mua máy móc thiết bị (gồm máy móc đặt vào công trình); thuê nhân công, thuê máy móc thiết bị thi công, các khoản chi phí vận chuyển vật liệu, chi phí về điện, nước.

Đối với hộ có đầu tư cho nhà ở: Gồm toàn bộ chi phí xây dựng (XD) mới nhà ở như: chi phí phá và tháo dỡ ngôi nhà, chi phí san lấp mặt bằng XD, đóng cọc, đổ khung, đổ bê tông, ốp đá, bắc giàn giáo,... chi phí hoàn thiện công trình nhà như lắp kính, quét vôi, trang trí, lát sàn, hoàn thiện phần mộc, làm sạch ngoại thất... Chia ra:

- Xây dựng và lắp đặt: Là toàn bộ chi phí cho hoạt động XD và lắp đặt các thiết bị đi kèm với công trình XD như: XD các hạng mục công trình, lắp đặt thiết bị, hoàn thiện công trình, chi phí phá dỡ các vật liệu kiến trúc cũ, san lấp mặt bằng XD, XD công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm.

- Máy móc, thiết bị: Là toàn bộ giá trị của máy móc thiết bị được lắp đặt vào công trình xây dựng.

Đối với hộ đầu tư cây trồng lâu năm hoặc súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm (trâu, bò, lợn,..) gắn liền với đầu tư xây dựng cơ bản lần đầu thì toàn bộ chi phí đầu tư cây trồng lâu năm hoặc súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm (trâu, bò, lợn,..) ghi vào mục này.

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác: Là các khoản chi phí khác trong XD CB chưa bao gồm ở các mục trên.

Tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất: Là số tiền hộ chi ra để thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất hoặc mua đất, mua nhà phục vụ cho SXKD và cho mục đích ở.

Riêng đối với ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: Gồm chi phí xây dựng các hạng mục công trình, chi phí mua và lắp đặt máy móc, thiết bị, chi phí khai hoang, chi phí xây dựng ao nuôi trồng thủy sản, trồng mới, chăm sóc vườn cây lâu năm, trồng rừng và chăm sóc rừng trong thời gian chưa thu hoạch sản phẩm.

Lưu ý: Nếu hộ không nhớ chính xác các khoản chi phí trên, điều tra viên cùng với hộ ước tính bằng cách lấy khối lượng từng loại nguyên vật liệu, ngày công lao

động thuê ngoài nhân với đơn giá bình quân ở địa phương để tính vào tổng vốn đầu tư. Lao động tự làm và nguyên vật liệu tự túc ước tính như lao động thuê ngoài và nguyên vật liệu mua ngoài.

2. Mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản:

Là tổng số tiền thực tế mà hộ đã chi trong kỳ để mua TSCĐ không qua XDCB để phục vụ sản xuất kinh doanh của hộ bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử (có thể trong kỳ hộ đã thanh toán nhưng chưa nhận được).

TSCĐ không qua XDCB là các máy móc, thiết bị không đi kèm với công trình XD, không tính vào phần XDCB ở trên. TSCĐ không qua XDCB bao gồm: máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải.

Quy định: Tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ là tài sản thuộc sở hữu của hộ, tài sản do hộ mua trả góp, có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên và thời gian sử dụng trên 01 năm (tính riêng cho một tài sản, không tính gộp theo loại tài sản). Không tính những tài sản do hộ đi thuê để phục vụ sản xuất kinh doanh trong một thời gian sau đó sẽ trả lại cho bên cho thuê tài sản. Đối với những tài sản vừa phục vụ sản xuất kinh doanh, vừa sử dụng trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày, cần hỏi kỹ để tính được phần giá trị tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh (không tính phần giá trị tài sản phục vụ nhu cầu sinh hoạt và đời sống hàng ngày) - thống nhất quy định về TSCĐ của điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm.

Lưu ý: Đối với TSCĐ tuy đã qua sử dụng nhưng được nhập khẩu từ nước ngoài thì được coi là TS mới vì tài sản đó thực tế sẽ làm tăng TS tích lũy cho toàn xã hội.

3. Sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định: Là số tiền hộ đã chi trong kỳ để sửa chữa, nâng cấp TSCĐ.

- Sửa chữa TSCĐ: Là số tiền hộ đã chi cho việc duy tu, bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại những năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu của TSCĐ.

- Nâng cấp TSCĐ: Là số tiền hộ chi cho hoạt động cải tạo, xây lắp, trang bị bổ sung thêm cho TSCĐ nhằm nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm, tính năng, tác dụng của TSCĐ so với mức ban đầu hoặc kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ; đưa vào áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của TSCĐ so với trước.

- Sửa chữa và nâng cấp nhà ở: Là toàn bộ chi phí thực tế chi ra trong kỳ cho công việc sửa chữa, nâng cấp, mở rộng nhà ở của hộ, bao gồm chi phí thanh toán như vật liệu, nhân công, thuê máy móc thiết bị,... và vật liệu, ngày công tự túc của hộ gia đình.

Quy ước:

- Giá trị sửa chữa, nâng cấp TSCĐ dùng cho hoạt động SXKD tối thiểu từ 01 triệu đồng trở lên;

- Sửa chữa, nâng cấp nhà ở chỉ được tính khi đảm bảo 1 trong 2 điều kiện sau:

+ Diện tích nhà ở được mở rộng.

+ Thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà.

4. Đầu tư khác: Bao gồm các khoản chi phí tạo nên TSCĐ vô hình, các khoản chi đầu tư sản xuất kinh doanh chưa kể ở trên, như chi phí nâng cấp, cải tạo đất...

Quy ước:

- Trường hợp hộ mua ô tô vừa để phục vụ SXKD, vừa phục vụ nhu cầu đi lại của các thành viên trong hộ vẫn được tính là đầu tư cho SXKD trong trường hợp ô tô phục vụ SXKD là chủ yếu.

- Hộ đầu tư mua nhà ở của các dự án bất động sản: Không kê khai khoản tiền này vì khoản tiền đầu tư này của hộ đã được thu thập qua các dự án bất động sản.

- Không bao gồm đầu tư của hộ để mua lại nhà ở đã qua sử dụng (căn hộ chung cư...) để ở: Không kê khai khoản tiền này vì không làm tăng tài sản của xã hội.

- Trường hợp hộ có đầu tư bằng ngoại tệ, vàng, bạc... (cất trữ ở nhà hoặc gửi ngân hàng) phải quy ra tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước (không bao gồm vàng, bạc trang sức).

- Đối với trường hợp hộ mua lại tài sản cố định đã qua sử dụng trong nước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thì ghi như sau:

+ Trường hợp 1: Tài sản cố định gắn liền với đất, phải tách riêng giá trị quyền sử dụng đất được ghi vào mục “tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất” (mã 18), đồng thời ghi giá trị của tài sản cố định trên đất vào 2 phần: “nhà xưởng, máy móc thiết bị đã qua sử dụng trong nước” (mã 13); “xây dựng và lắp đặt” (mã 15).

+ Trường hợp 2: Tài sản cố định không gắn liền với đất, được ghi vào 2 phần: “nhà xưởng, máy móc thiết bị đã qua sử dụng trong nước” (mã 13); “mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản” (mã 19).

Cột B: Ghi theo mã số quy định cho từng chỉ tiêu tương ứng đã ghi ở cột A.

Cột I: Ghi số thực hiện năm báo cáo.

.....

PHIẾU SỐ 03/VĐTTT-N
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN
CỦA TRANG TRẠI

(Áp dụng đối với các trang trại)

1. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với các trang trại có thực hiện đầu tư nhằm duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư về xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp nhà ở trong kỳ điều tra. Không thu thập thông tin về các khoản chi cho mục đích tiêu dùng cuối cùng của trang trại. Ví dụ trong kỳ trang trại mua thêm ô tô nếu ô tô dùng để phục vụ nhu cầu đi lại của các cá nhân trong trang trại thì không được tính là đầu tư, nếu ô tô dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh như chở thành phẩm đi bán hàng, chở nguyên vật liệu về để tiến hành sản xuất kinh doanh thì được tính là đầu tư của trang trại trong kỳ.

Chủ trang trại hoặc người nắm nhiều thông tin về tình hình đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại là người trả lời phiếu điều tra.

Quy định về trang trại: Áp dụng theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau: Cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại phải thỏa mãn điều kiện sau:

- Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tổng hợp phải đạt 2 điều kiện sau: (1) Có diện tích trên mức hạn điền, tối thiểu: 3,1 ha đối với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long; hoặc 2,1 ha đối với các tỉnh còn lại; (2) Giá trị sản lượng hàng hoá đạt 700 triệu đồng/năm.

- Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt giá trị sản lượng hàng hoá từ 1 tỷ đồng/năm trở lên.

- Đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp phải có diện tích tối thiểu 31 ha và giá trị sản lượng hàng hoá bình quân đạt 500 triệu đồng/năm trở lên.

2. Cách ghi phiếu điều tra

Mã trang trại: Cơ quan thống kê ghi mã trang trại theo số thứ tự từ 001 đến 999 và được đánh mã theo từng huyện điều tra. Quy ước mã trang trại là 3 chữ số, mỗi trang trại chỉ có một mã trang trại.

2.1 Thông tin chung

Họ và tên chủ trang trại, địa chỉ, điện thoại: Cách ghi tương tự như phiếu số 02/VĐTH-N.

Tỷ lệ vốn đầu tư: Điều tra viên hỏi chủ trang trại ước tính tỷ lệ phần trăm số tiền đã đầu tư cho SXKD và cho nhà ở. Nếu chủ trang trại không ước tính được thì điều tra viên hỏi chủ trang trại số tiền đầu tư cho SXKD và cho nhà ở, sau đó điều tra viên ước tính tỷ lệ phần trăm đầu tư cho SXKD và cho nhà ở vào phiếu.

- Trang trại đầu tư cho nhà ở: Là trang trại có đầu tư cho việc xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp nhà ở. Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp nhà ở của trang trại bao gồm cả sân, vườn, tường rào... gắn với nhà ở.

+ *Xây dựng mới nhà ở:* Là hoạt động xây dựng để tạo ra sản phẩm nhà ở mới phục vụ nhu cầu đời sống của trang trại.

+ *Sửa chữa nhà ở:* Là công việc sửa chữa nhằm cải tạo, khôi phục những phần

đã bị hao mòn hư hỏng, phục hồi hình thái tự nhiên của ngôi nhà, đảm bảo cho nhà cửa sử dụng được bình thường. Sửa chữa lớn thường làm thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà.

+ *Nâng cấp nhà ở*: Là cải tạo ngôi nhà hoặc một phần ngôi nhà, nhằm kéo dài thời gian sử dụng, tăng chất lượng sử dụng, có thể làm tăng diện tích sử dụng của ngôi nhà.

Quy ước: Việc sửa chữa, nâng cấp có làm thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà thì mới tính là đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhà ở. Trường hợp trong kỳ hộ chỉ sửa chữa nhỏ, hay chỉ lát sân vườn, xây tường rào không gắn với sửa chữa, nâng cấp nhà làm thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà sẽ không tính là hộ có đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhà ở trong kỳ.

Lưu ý: Tổng số tỷ lệ đầu tư cho SXKD và nhà ở phải là 100%. Nếu trang trại chỉ đầu tư (ĐT) cho SXKD, không ĐT cho nhà ở thì ghi “100” vào dòng đầu tư cho SXKD và “0” vào dòng đầu tư cho nhà ở và ngược lại. Trường hợp trang trại vừa đầu tư cho SXKD vừa cho nhà ở, trang trại ước tính tỷ lệ phần trăm đầu tư cho SXKD và tỷ lệ phần trăm đầu tư cho nhà ở, tổng tỷ lệ đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở bằng 100%.

Mục đích đầu tư cho SXKD: Nếu trang trại có đầu tư cho SXKD thì ghi mục đích chính để đầu tư cho SXKD. Đối với trang trại chỉ đầu tư cho nhà ở thì không ghi mục này. Điều tra viên hỏi và ghi cụ thể, chi tiết nội dung mục đích đầu tư và cơ quan Thống kê ghi mã ngành đầu tư theo danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Kết quả vốn đầu tư thực hiện

A. Chia theo nguồn vốn

1. Ngân sách nhà nước: Là số tiền mà nhà nước hỗ trợ tạo điều kiện, khuyến khích chủ trang trại đầu tư cho SXKD, phát triển ngành nghề... và/hoặc nguồn vốn mà Nhà nước hỗ trợ theo chương trình mục tiêu quốc gia, xóa nhà tạm, nhà tranh,... đối với những hộ được hưởng chính sách xã hội.

2. Tín dụng đầu tư phát triển: Là số tiền vốn mà trang trại được vay từ nguồn vốn đầu tư phát triển của nhà nước để phục vụ cho đầu tư, mở rộng SXKD.

3. Vốn vay: Là số tiền đầu tư của trang trại vay từ các ngân hàng thương mại, các quỹ tín dụng trong nước; vay từ các ngân hàng, tổ chức nước ngoài; vay từ các tổ chức (Hội Phụ nữ, chương trình xóa đói giảm nghèo...) và vay của các cá nhân.

- Vay ngân hàng thương mại nhà nước: Là số tiền đầu tư của trang trại vay của các ngân hàng thương mại nhà nước để đầu tư như Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển...

- Vay ngân hàng ngoài nhà nước: Là số tiền đầu tư của trang trại vay của các ngân hàng thương mại ngoài nhà nước như Ngân hàng Techcombank, Đông Á, Thương mại cổ phần Sài Gòn...

4. Vốn tự có: Là tổng số tiền đầu tư từ lợi nhuận hoạt động của trang trại, từ huy động vốn cổ phần, vốn góp liên doanh, từ tiết kiệm, bán TS của trang trại hoặc TS thừa kế và lao động tự làm (lao động của những người trong trang trại và anh em, bạn bè

làm giúp), NVL tự túc được quy ra tiền. Vốn tự có có thể là tiền hoặc hiện vật.

- Vốn bằng hiện vật: Là số tiền được quy ra giá trị theo giá tương ứng của từng loại hiện vật trên thị trường;

- Vốn bằng nguyên vật liệu tự có: Là số tiền được quy ra từ lao động tự làm và nguyên vật liệu tự túc theo giá thị trường.

5. Vốn huy động từ các nguồn khác: Là số tiền đầu tư từ nguồn đóng góp tự nguyện, cho, biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn huy động ngoài các nguồn nêu trên. Số tiền này chủ trương trại được toàn quyền sử dụng và không phải hoàn trả.

B. Chia theo khoản mục đầu tư

Nhà xưởng, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong nước: Là tổng số tiền trang trại bỏ ra để mua TSCĐ cũ đã qua sử dụng ở trong nước.

1. Xây dựng cơ bản: Là tổng số tiền mà trang trại đã đầu tư XD trong kỳ, kể cả chi phí lao động tự làm, giá trị nguyên vật liệu tự túc, bao gồm: mua nguyên vật liệu như xi măng, sắt thép, vôi, gạch ngói, gỗ và chi phí mua máy móc thiết bị (gồm máy móc đặt vào công trình); thuê nhân công, thuê máy móc thiết bị thi công, các khoản chi phí vận chuyển vật liệu, chi phí về điện, nước. Cụ thể:

(1) Đầu tư cho SXKD gồm: Chi phí XD các hạng mục công trình; chi phí mua và lắp đặt máy móc thiết bị; chi phí khai hoang, cải tạo, san, lấp đất; chi phí XD và cải tạo ao nuôi trồng thủy sản; chi phí trồng mới, chăm sóc vườn cây lâu năm trong thời gian chưa thu hoạch sản phẩm; chi phí trồng rừng và chăm sóc rừng trong thời gian chưa thu hoạch sản phẩm; chi phí đầu tư XD CB khác.

(2) Đầu tư cho nhà ở: Gồm toàn bộ chi phí ***XD mới*** nhà ở, bao gồm: chi phí phá và tháo dỡ ngôi nhà, chi phí san lấp mặt bằng XD, đóng cọc, XD, đổ khung, đổ bê tông, ốp đá, bắc giàn giáo, lợp mái..., chi phí hoàn thiện công trình nhà như lắp kính, trát vữa, quét vôi, trang trí, lát sàn, hoàn thiện phần mộc, làm sạch ngoại thất... Chia ra:

- Xây dựng và lắp đặt: Là toàn bộ chi phí cho hoạt động XD và lắp đặt các máy móc thiết bị đi kèm với công trình XD như: XD các hạng mục công trình, lắp đặt thiết bị, hoàn thiện công trình, chi phí phá dỡ các vật liệu kiến trúc cũ, san lấp mặt bằng XD, XD công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm.

- Máy móc, thiết bị: Là toàn bộ giá trị của máy móc thiết bị được lắp đặt vào công trình XD (không bao gồm chi phí lắp đặt) như: điều hòa, nóng lạnh...

Đối với hộ đầu tư cây trồng lâu năm hoặc mua súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm (trâu, bò, lợn,...) gắn liền với đầu tư xây dựng cơ bản lần đầu thì toàn bộ chi phí đầu tư cây trồng lâu năm hoặc súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm (trâu, bò, lợn,...) ghi vào phần máy móc, thiết bị.

- Vốn đầu tư XD CB khác: Là các khoản chi phí khác trong XD CB không bao gồm ở trên.

Tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất: Là số tiền trang trại chi ra để thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất hoặc mua đất, mua nhà phục vụ cho SXKD và cho mục đích ở.

Riêng đối với ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: Gồm các chi phí xây dựng hạng mục công trình, chi phí mua và lắp đặt máy móc, thiết bị, chi phí khai hoang,

chi phí xây dựng ao nuôi trồng thủy sản, trồng mới, chăm sóc vườn cây lâu năm, trồng rừng và chăm sóc rừng trong thời gian chưa thu hoạch sản phẩm.

Lưu ý: Nếu chủ trang trại không nhớ chính xác các khoản chi phí trên, điều tra viên cùng với chủ trang trại ước tính bằng cách lấy khối lượng từng loại nguyên vật liệu, ngày công lao động thuê ngoài nhân với đơn giá bình quân ở địa phương để tính vào tổng vốn đầu tư. Lao động tự làm và nguyên vật liệu tự túc ước tính như lao động thuê ngoài và nguyên vật liệu mua ngoài.

2. Mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản: Là tổng số tiền thực tế mà trang trại đã chi trong kỳ để mua TSCĐ không qua XDCB bao gồm: mua nhà xưởng, kho tàng; mua vườn cây lâu năm; mua rừng cây lâm nghiệp; mua đất trồng cây hàng năm; mua mặt nước nuôi trồng thủy sản; mua gia súc, gia cầm cơ bản, mua máy móc thiết bị không qua XD, mua TSCĐ khác.

Quy định: Tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ là tài sản thuộc sở hữu của hộ, tài sản do hộ mua trả góp, có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên và thời gian sử dụng trên 01 năm (tính riêng cho một tài sản, không tính gộp theo loại tài sản). Không tính những tài sản do hộ đi thuê để phục vụ sản xuất kinh doanh trong một thời gian sau đó sẽ trả lại cho bên cho thuê tài sản. Đối với những tài sản vừa phục vụ sản xuất kinh doanh, vừa sử dụng trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày, cần hỏi kỹ để tính được phần giá trị tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh (không tính phần giá trị tài sản phục vụ nhu cầu sinh hoạt và đời sống hàng ngày) - thống nhất quy định về TSCĐ của điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm.

Lưu ý: Đối với TSCĐ tuy đã qua sử dụng nhưng được nhập khẩu từ nước ngoài thì được coi là tài sản mới vì TS đó thực tế sẽ làm tăng TS tích lũy cho toàn xã hội.

3. Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ: Là số tiền trang trại đã chi trong kỳ để sửa chữa, nâng cấp TSCĐ.

- Sửa chữa TSCĐ: Là số tiền trang trại đã chi cho việc duy tu, bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại những năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu của TSCĐ.

- Nâng cấp TSCĐ: Là số tiền trang trại chi cho hoạt động cải tạo, xây lắp, trang bị bổ sung thêm cho TSCĐ nhằm nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm, tính năng, tác dụng của TSCĐ so với mức ban đầu hoặc kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ; đưa vào áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của TSCĐ so với trước.

- Sửa chữa và nâng cấp nhà ở: Là toàn bộ chi phí thực tế chi ra trong kỳ cho công việc sửa chữa, nâng cấp, mở rộng nhà ở của trang trại, bao gồm chi phí thanh toán như vật liệu, nhân công, thuê máy móc thiết bị,... và vật liệu, ngày công tự túc của trang trại.

Quy ước:

- Giá trị sửa chữa, nâng cấp TSCĐ dùng cho hoạt động SXKD tối thiểu từ 01 triệu đồng trở lên;

- Sửa chữa, nâng cấp nhà ở chỉ được tính khi đảm bảo 1 trong 2 điều kiện sau:

- + Diện tích nhà ở được mở rộng.
- + Thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà.

4. Đầu tư khác: Bao gồm các khoản chi phí tạo nên TSCĐ vô hình, các khoản chi đầu tư SXKD chưa kể ở trên, như chi phí nâng cấp, cải tạo đất...

Lưu ý: Trường hợp trong danh sách điều tra đã xác định trang trại có đầu tư trong kỳ, đến thời điểm điều tra, hộ không còn đủ tiêu chí là trang trại nữa vẫn thuộc đối tượng điều tra.

Quy ước:

- Trường hợp trang trại mua ô tô vừa để phục vụ SXKD, vừa phục vụ nhu cầu đi lại của các thành viên trong hộ vẫn được tính là đầu tư cho SXKD trong trường hợp ô tô phục vụ SXKD là chủ yếu.

- Đối với trường hợp trang trại mua lại tài sản cố định đã qua sử dụng trong nước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thì ghi như sau:

+ Trường hợp 1: Tài sản cố định gắn liền với đất, phải tách riêng giá trị quyền sử dụng đất được ghi vào mục “tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất” (mã 18), đồng thời ghi giá trị của tài sản cố định trên đất vào 2 phần: “nhà xưởng, máy móc thiết bị đã qua sử dụng trong nước” (mã 13); “xây dựng và lắp đặt” (mã 15).

+ Trường hợp 2: Tài sản cố định không gắn liền với đất, được ghi vào 2 phần: “nhà xưởng, máy móc thiết bị đã qua sử dụng trong nước” (mã 13); “mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản” (mã 19).

- Trong phiếu điều tra trang trại không tính phần vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của trang trại.

.....

PHIẾU SỐ 04/VĐTSN-N
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ Y TẾ

(Áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có đầu tư từ nguồn vốn tự có, vốn liên doanh, liên kết là chủ yếu và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập)

1. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với chủ đầu tư là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành y tế, ngành giáo dục có đầu tư từ nguồn vốn tự có, vốn liên doanh, liên kết là **chủ yếu**; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thuộc ngành y tế, giáo dục.

Lưu ý: Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành y tế, ngành giáo dục được đầu tư các dự án/công trình **chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, Trái phiếu Chính phủ** (thuộc nguồn vốn đầu tư công) theo Quyết định đầu tư của Bộ, ngành Trung ương, UBND các cấp **thì không thực hiện phiếu số 04/VĐTSN-N** để đảm bảo không tính trùng. Các dự án/công trình này được thu thập qua 2 kênh: (1) Quyết định số 31/TCTK-QĐ ngày 12/3/1995 của Tổng cục Thống kê về Chế độ báo cáo thống kê xây dựng cơ bản định kỳ áp dụng đối với các chủ đầu tư; (2) Biểu mẫu thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ thu thập, tổng hợp Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ban hành theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cách ghi phiếu điều tra

Mã đơn vị: Quy ước là 6 chữ số, 2 chữ số đầu ghi mã tỉnh, 4 chữ số sau ghi theo thứ tự từ 0001 đến 9999 và duy trì mã đơn vị ổn định qua các quý điều tra.

2.1. Thông tin chung

Tên đơn vị sự nghiệp: Ghi đầy đủ tên đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập có thực hiện đầu tư trong năm và không viết tắt.

Địa chỉ: Ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố. Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: do cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính quy định trong cuộc điều tra.

- Số điện thoại: Ghi số điện thoại của bộ phận có liên quan trực tiếp đến số liệu điều tra.

- Số fax: Ghi số fax (nếu có).

- Email: Ghi địa chỉ email (nếu có).

Loại hình của đơn vị sự nghiệp: Khoanh tròn vào một mã số tương ứng câu trả lời phù hợp.

Khái niệm đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập trong cuộc điều tra này được quy định như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước. Đơn vị sự nghiệp công lập gồm: (1) đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự

chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự; (2) đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự.

- Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập: Là đơn vị do tư nhân trong nước, tư nhân nước ngoài hoặc tư nhân trong nước liên doanh với tư nhân nước ngoài đăng ký thành lập nhưng không hoạt động theo Luật doanh nghiệp, tự lo vốn và kinh phí hoạt động, lấy thu bù chi trong các lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa thể thao.

2.2. Kết quả vốn đầu tư thực hiện năm

Cột A: Khái niệm, nội dung các chỉ tiêu xem trong phần I mục II (Kết quả vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội).

Quy định:

- Tài sản cố định của đơn vị sự nghiệp công lập: Là những tài sản có hình thái vật chất, có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, thoả mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn dưới đây: (1) có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên; (2) có nguyên giá từ 10 triệu đồng trở lên (theo Thông tư số 162/2014-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước).

- Tài sản cố định của đơn vị sự nghiệp ngoài công lập: Là những tài sản có kết cấu độc lập, hoặc nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau thành một hệ thống để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định: (1) chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (2) nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy; (3) có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên; (4) có giá trị theo quy định hiện hành từ 10 triệu đồng trở lên (theo Thông tư 140/2007/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho cơ sở ngoài công lập).

- Giá trị sửa chữa, nâng cấp TSCĐ trong kỳ của đơn vị sự nghiệp tối thiểu phải từ 01 triệu đồng trở lên.

Cột 1 : Ghi số vốn đầu tư thực hiện trong năm.

.....

PHIẾU SỐ 05/VĐT.XP-N
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN
CỦA XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

(Áp dụng cho UBND xã/phường/thị trấn quản lý xây dựng các công trình mang tính xã hội hóa sử dụng vốn của các tổ chức, cá nhân đóng góp)

1. Đối tượng áp dụng

Áp dụng cho UBND xã/phường/thị trấn quản lý xây dựng các công trình mang tính xã hội hoá sử dụng vốn của các tổ chức, cá nhân đóng góp (ví dụ như các công trình làm đường trong xã theo Chương trình nông thôn mới nhà nước và nhân dân cùng làm).

2. Cách ghi phiếu điều tra

2.1. Thông tin chung

(1) **UBND xã/phường/thị trấn:** Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn theo Quyết định thành lập.

(2) **Địa chỉ:** Ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: Cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

- Số điện thoại: Ghi số điện thoại của bộ phận (phòng, ban) trực tiếp cung cấp thông tin điều tra.

- Số fax: Ghi số fax (nếu có).

- Email: Ghi địa chỉ email (nếu có).

2.2. Kết quả vốn đầu tư thực hiện năm

Cột A: Khái niệm, nội dung các chỉ tiêu ở cột A xem trong phần I mục II (Kết quả vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội).

Cột 1: Ghi số vốn đầu tư thực hiện trong năm.

.....

PHIẾU SỐ 06/VĐTSTC-N
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN CỦA SỞ TÀI CHÍNH

(Áp dụng cho Sở Tài chính tổng hợp chi mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

1. Đối tượng áp dụng

Áp dụng cho Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phiếu này nhằm thu thập thông tin về chi mua hàng hóa vật tư dự trữ nhà nước; chi cho mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng từ nguồn kinh phí thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong năm báo cáo.

Quy định: Chỉ thu thập thông tin của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương không có tính chất kinh doanh (không phải là đơn vị kinh tế) như các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, xã hội - nghề nghiệp...

Lưu ý: Loại trừ các đơn vị kinh tế sử dụng ngân sách nhà nước có mã số chương (phụ lục 1) trong quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (các Thông tư số 144/2011/TT-BTC ngày 21/10/2011, Thông tư số 110/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 217/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 97/2013/TT-BTC ngày 23/7/2013, Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn mục lục ngân sách nhà nước ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC) như sau :

- Đơn vị có mã số chương thuộc cấp tỉnh từ 552 đến 558 và từ 561 đến 564.
- Đơn vị có mã số chương thuộc cấp huyện từ 754 đến 758.
- Đơn vị có mã số chương thuộc cấp xã từ 854 đến 857.

2. Giải thích nội dung và cách ghi phiếu

2.1 Thông tin chung

Tên đơn vị: Ghi tên Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Địa chỉ: Ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố của Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: Cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

- Số điện thoại: Ghi số điện thoại của bộ phận (phòng, ban) trực tiếp cung cấp thông tin điều tra.

- Số fax: Ghi số fax (nếu có).

- Email: Ghi địa chỉ email (nếu có).

2.2 Chi mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên

*** Cột A:**

a. Phân loại chi theo nội dung kinh tế

Kê khai các khoản chi theo danh mục mã số nội dung kinh tế thuộc phụ lục số 3 kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và các Thông tư số 144/2011/TT-BTC ngày 21/10/2011, Thông tư số 110/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 217/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 97/2013/TT-BTC ngày 23/7/2013, Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn mục lục ngân sách nhà nước ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC.

Từ năm 2019, việc thu thập số liệu hàng năm sẽ khai thác qua kê khai các khoản chi theo danh mục mã số nội dung kinh tế thuộc phụ lục số 3 kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

(1) Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng (mã 6900 và 9100 trong phụ lục số 3): Là tổng số chi trong năm báo cáo, gồm:

- + Mô tô
- + Ô tô con, ô tô tải
- + Xe chuyên dùng
- + Tàu, thuyền
- + Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng
- + Điều hòa nhiệt độ
- + Nhà cửa
- + Thiết bị phòng cháy, chữa cháy
- + Thiết bị tin học
- + Máy photocopy
- + Máy fax
- + Máy phát điện
- + Máy bơm nước
- + Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính
- + Công trình văn hóa, công viên, thể thao.
- + Đường điện, cấp thoát nước.
- + Đường xá, cầu cống, bến cảng, sân bay
- + Đê điều, hồ đập, kênh mương.
- + Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác.

(2) Chi mua hàng hóa, vật tư dự trữ Nhà nước, hàng hóa vật tư dự trữ Nhà nước chuyên ngành (mã 8700 và 8800 trong phụ lục số 3) trong năm báo cáo: Là giá trị chênh lệch cuối kỳ (31/12) và đầu kỳ (01/01) của hàng hóa, vật tư dự trữ trong kho của năm báo cáo, gồm:

- + Lương thực
- + Nhiên liệu
- + Vật tư kỹ thuật
- + Trang thiết bị kỹ thuật
- + Khác.

- Ví dụ:

Thời điểm 01/01/2017, dự trữ gạo của quốc gia trong kho có giá trị là 1.000 tỷ đồng. Trong năm 2017 thực hiện chi mua bổ sung và xuất kho cứu trợ, cứu đói giáp hạt, hỗ trợ cho học sinh vùng khó khăn,... Thời điểm 31/12/2017 dự trữ gạo của quốc gia trong kho có giá trị là 2.000 tỷ đồng.

Giá trị chi mua gạo dự trữ nhà nước thực hiện năm 2017 là:

$$2.000 - 1.000 = 1.000 \text{ (tỷ đồng)}$$

(3) Chi mua, đầu tư tài sản vô hình năm báo cáo (mã 9000 phụ lục 3): Là tổng số chi trong năm báo cáo, gồm:

- + Mua bằng sáng chế
- + Mua bản quyền nhãn hiệu thương mại
- + Mua phần mềm máy tính
- + Đầu tư, xây dựng phần mềm máy tính
- + Khác

(4) Chi mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn năm báo cáo (mã 9050 phụ lục 3): Là tổng số chi trong năm báo cáo, gồm:

- + Mô tô
- + Ô tô con, ô tô tải
- + Xe chuyên dùng
- + Tàu, thuyền
- + Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng
- + Điều hòa nhiệt độ
- + Nhà cửa
- + Thiết bị phòng cháy, chữa cháy
- + Thiết bị tin học
- + Máy photocopy
- + Máy fax
- + Máy phát điện
- + Máy bơm nước
- + Tài sản khác.

b. Phân loại chi theo ngành kinh tế

Kê khai các khoản chi theo danh mục mã số ngành kinh tế phụ lục số 2 kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

Từ năm 2019, việc thu thập số liệu hàng năm sẽ khai thác qua kê khai các khoản chi theo danh mục mã số nội dung kinh tế thuộc phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

* **Cột 1:** Ghi tổng số tiền đã chi của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố trong năm báo cáo theo các loại chi ở cột A.